

Bản án số: 45/2018/KDTM-ST

Ngày: 01-10-2018

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Quý

2. Ông Phạm Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hải Hoài là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Phong - Kiểm sát viên

Trong ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST-KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2018/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 168/2018/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kim khí T; Địa chỉ: Đường K, Khu dân cư V, phường B, quận B, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tạ Quang T; Địa chỉ liên lạc: Đường K, phường L, quận T, Thành phố H; Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/7/2017)

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Thương mại Dịch vụ P; Địa chỉ: Đường K, phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

(Ông T có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 31/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tạ Quang T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/03/2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kim khí T (Sau đây gọi tắt là Công ty T) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Thương mại Dịch vụ P (Sau đây gọi tắt là Công ty P) có tiến hành việc mua bán thép cuộn 304 nhưng các bên không ký hợp đồng chính thức, chỉ thông qua việc Công ty P đặt hàng qua điện thoại và Công ty T giao hàng. Thực tế, Công ty T đã giao hàng 02 lần và đã xuất hóa đơn cho Công ty P với tổng trị giá 166.576.645 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%) vào ngày 14/3/2017.

Sau khi nhận hàng và hóa đơn, Công ty P đã thanh toán được tổng cộng 50.000.000 đồng, thông qua chuyển khoản vào ngày 30/3/2017 và ngày 28/4/2017, còn nợ 86.576.645 đồng. Sau đó, Công ty P không thanh toán tiếp tiền hàng còn nợ dù Công ty T đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán nợ.

Yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty P thanh toán cho Công ty T tổng số tiền hàng còn nợ tính đến ngày 18/7/2017 là 89.875.215 đồng, trong đó, gốc 86.576.645 đồng và lãi 3.298.570 đồng. Lãi tiếp tục tính cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Thương mại Dịch vụ P: Dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không cử người tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu buộc bị đơn trả tổng số tiền mua hàng còn nợ tính từ ngày 15/3/2017 đến ngày 01/10/2018 (tương đương 18 tháng 16 ngày), theo mức lãi suất cơ bản 9%/năm của Ngân hàng Nhà nước là 98.589.154 đồng, trong đó, gốc 86.576.645 đồng và lãi 12.012.509 đồng. Yêu cầu bị đơn thanh toán một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trừ vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T yêu cầu Công ty P thanh toán tiền mua thép còn nợ và Công ty P có trụ sở tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về thủ tục tố tụng: Công ty P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty P.

* Về nội dung vụ án:

[1] Căn cứ 02 Biên bản giao nhận hàng hóa; Hóa đơn Giá trị gia tăng; 02 Phiếu báo có của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa Công ty T và Công ty P tuy không ký kết hợp đồng mua bán nhưng quan hệ mua bán thép giữa các bên là có thật và hợp pháp. Ngày 14/3/2017, Công ty T giao hàng 02 lần với tổng khối lượng 2.638kg thép cuộn 304, trị giá 166.576.645 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%) và đã xuất hóa đơn cho Công ty P. Sau khi nhận hàng, Công ty P đã thanh toán tổng cộng 50.000.000 đồng, thông qua 02 lần chuyển khoản, còn nợ 86.576.645 đồng. Sau đó, Công ty P không thanh toán tiếp số tiền mua hàng còn nợ cho Công ty T. Căn cứ Điều 50 và Điều 55 của Luật Thương mại, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty P có trách nhiệm thanh toán số tiền mua hàng còn nợ 86.576.645 đồng cho Công ty T.

[2] Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 của Luật Thương mại quy định về thời hạn thanh toán: *“Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hoá”*; 02 Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 14/3/2017; Hóa đơn Giá trị gia tăng ngày 14/3/2017 và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì có cơ sở để xác định, Công ty P đã nhận đủ hàng vào ngày 14/3/2017, do đó nguyên đơn yêu cầu được tính lãi chậm thanh toán từ ngày 15/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (01/10/2018) là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*; Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016; Thông báo công bố về lãi suất cho vay Việt Nam Đồng áp dụng đối với pháp nhân vay sản xuất kinh doanh thông thường của khoản vay trung – dài hạn đang được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam áp dụng thì đủ cơ sở để xác định, lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử (ngày 01/10/2018) là: $(10.8\%/năm + 10.5\%/năm + 10.8\%/năm) : 3 \times 150\% = 16.5\%/năm$.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định Công ty T chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 15/3/2017 đến ngày 01/10/2018 trên số tiền còn nợ 86.576.645 đồng theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố 9%/năm, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho phía bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T số tiền lãi tính từ ngày 15/3/2017 đến ngày 01/10/2018 là: $86.576.645 \text{ đồng} \times 9\%/năm \times 18 \text{ tháng} : 12 = 12.012.509 \text{ đồng}$

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm $(86.576.645 \text{ đồng} + 12.012.509 \text{ đồng}) \times 5\% = 4.929.458 \text{ đồng}$.

Hoàn lại cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 50, Điều 55 và Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ vào Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016;

Căn cứ vào Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kim khí T đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Thương mại Dịch vụ P.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Thương mại Dịch vụ P có trách nhiệm thanh toán một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho Công ty

Trách nhiệm hữu hạn Kim khí T tổng số tiền mua thép còn nợ tính từ ngày 15/3/2017 đến ngày 01/10/2018 là 98.589.154 (Chín mươi tám triệu năm trăm tám mươi chín ngàn một trăm năm mươi bốn) đồng, trong đó, gốc 86.576.645 (Tám mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi sáu ngàn sáu trăm bốn mươi lăm) đồng và lãi 12.012.509 (Mười hai triệu không trăm mười hai ngàn năm trăm lẻ chín) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

3. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 4.929.458 (Bốn triệu chín trăm hai mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi bốn) đồng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Thương mại Dịch vụ P chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kim khí T (Ba triệu) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kim khí T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Thương mại Dịch vụ P vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.9;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.9;
- Chí cù THADS Q. Thủ Đức;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Quỳnh